

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2022
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hiên
2. Bà Đoàn Thị Duyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Khánh Ly- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLST- HNGĐ ngày 05/5/2022 về “ ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX - ST ngày 14/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: thôn L, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng C, sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Chị T và anh C đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2022 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01/7/2002 tại UBND xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng mâu thuẫn do anh C nóng tính, có hành vi bạo lực đối với chị T. Năm 2019, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh

sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh C, không thể trở về đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đăng B sinh ngày 18/01/2002 đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng chị không vay nợ chung.

** Bị đơn - anh Nguyễn Đăng C trình bày:*

- Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại gia đình anh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Chị T bỏ anh đi sinh sống nơi khác đã ba năm, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và con chung có bố có mẹ, còn nếu không đoàn tụ được thì tự chị T giải quyết. Hiện tại anh Cương bị tai nạn không thể đi xa được, mọi việc của anh C đều do mẹ anh giúp đỡ và anh C đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Đăng B sinh ngày 18/01/2002 đã trưởng thành.

** Kết quả xác minh tại UBND xã Quang Bình thể hiện:* Chị T và anh C có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Bình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C rượu chè, đánh chửi chị T. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để ở tỉnh Hà Nam sinh sống. Khoảng 02 năm trước anh C bị tai nạn chị T quay về chăm sóc anh C tuy nhiên anh C vì bệnh tật sinh ra cáu gắt, đánh chửi chị T nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để ở tỉnh Hà Nam sinh sống cho đến nay. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Anh C sau khi bị tai nạn không thể tự đi xa được. Nay chị T xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh C. Vợ chồng anh có 01 con chung đã trưởng thành và không có tài sản chung, không vay nợ chung.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh C.

Về quan hệ con chung: Con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chi T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là anh C đăng ký hộ khẩu tại thôn Hưng Tiến, xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 và Điều 328 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ tình trạng hôn nhân và tài sản chung vợ chồng, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T kết hôn với anh C trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh C đều trình bày vợ chồng không còn chung sống cùng nhau đến nay đã 03 năm, không còn quan tâm đến nhau. Anh C đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ để con chung có bố có mẹ nhưng cũng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đăng B sinh ngày 18/01/2002 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C trình bày không có, vì vậy Tòa án không giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Nguyễn Đăng C.

2. *Về quan hệ con chung*: Không giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001632 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Nguyễn Thị Hồng T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị T, anh C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- THA huyện Kiến Xương;
- UBND xã Quang Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Thanh Xuân